

Bài 11. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Nêu được tình hình dân số, việc làm và mục tiêu, những phương hướng cơ bản của Đảng, Nhà nước ta để giải quyết vấn đề dân số và việc làm.

– Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách dân số và giải quyết việc làm.

2. Về kĩ năng

– Biết tham gia tuyên truyền chính sách dân số và giải quyết việc làm phù hợp với khả năng của mình.

– Biết đánh giá việc thực hiện chính sách dân số của gia đình, cộng đồng dân cư và việc thực hiện chính sách giải quyết việc làm ở địa phương phù hợp với lứa tuổi.

– Bước đầu biết định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

3. Về thái độ

– Tin tưởng, ủng hộ chính sách dân số và giải quyết việc làm ; phê phán các hiện tượng vi phạm chính sách dân số ở nước ta.

– Có ý thức tích cực học tập, rèn luyện để có thể đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong tương lai.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

Trọng tâm của bài này là phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số và giải quyết việc làm.

b) Một số nội dung mới và khó

Khi giảng những chính sách này, ngoài việc phải nắm vững kiến thức trong SGK, GV cần chú ý một số điểm sau :

– Chính sách dân số và giải quyết việc làm là thuộc về các vấn đề xã hội. Hai chính sách này có quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Đó là những chính sách về con người, vì con người của Đảng và Nhà nước ta nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người thông qua việc giảm tỉ lệ tăng dân số và giải quyết tốt việc làm.

– Đối với chính sách dân số :

Tuỳ theo điều kiện tự nhiên, lực lượng lao động, mỗi nước có chính sách dân số khác nhau. Có những nước thực hiện chính sách này nhằm duy trì dân số ổn định (Đan Mạch, Thụy Điển), có những nước khuyến khích việc tăng dân số (Đức, Nga, Ma-lai-xi-a), có những nước thực hiện chính sách hạn chế tốc độ tăng dân số (Trung Quốc, Ấn Độ...). Nhìn chung, ở các nước đang phát triển có tỉ lệ dân số tăng nhanh hơn so với các nước phát triển. Chính vì vậy, hiện nay vấn đề bùng nổ dân số đã trở thành vấn đề toàn cầu.

Nước ta có tốc độ tăng dân số nhanh và quy mô dân số lớn (ví dụ : chỉ tính từ năm 1975 đến năm 1990, dân số nước ta đã tăng thêm khoảng 18,6 triệu người, trong khi đó cả châu Âu chỉ tăng 20 triệu người ; năm 1965, nước ta có khoảng 35 triệu người, đến năm 1999 đã là trên 76,3 triệu người và dân số nước ta năm 2006 khoảng 84 triệu người. Như vậy, dân số nước ta tăng gần 2,5 lần chỉ trong vòng hơn 40 năm). Trước đây, do chính sách dân số nước ta tập trung chủ yếu vào việc giảm tỉ lệ tăng dân số nên chưa thể tập trung vào việc nâng cao chất lượng dân số. Hiện nay, nước ta cần có nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nên phải tập trung *giải quyết một cách đồng bộ vấn đề dân số*.

– Đối với chính sách giải quyết việc làm :

Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động. Điều đó thể hiện ở sự thay đổi về nhận thức, quan niệm và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, phát triển thị trường sức lao động, mở rộng quyền làm việc, quyền tự do lao động trong xã hội. Người lao động được đặt vào vị trí trung tâm, được chủ động, tự do tìm kiếm, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong tất cả các thành phần kinh tế. Đi đôi với chính sách giải quyết việc làm trong nước, Đảng, Nhà nước ta còn chủ trương xuất

khẩu lao động và coi đây là một trong những hoạt động kinh tế đối ngoại phù hợp với xu thế toàn cầu hoá và hội nhập về kinh tế nhằm giải quyết yêu cầu trước mắt và lâu dài, tăng thu nhập cho người dân, làm giàu cho đất nước.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

– Dân số và việc làm là những vấn đề không mang tính lí luận, trừu tượng cao, hơn nữa, HS có thể đã được tiếp nhận từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, vì vậy, dựa vào nội dung kiến thức và cách trình bày rất khái quát trong SGK, GV có thể sử dụng chủ yếu là phương pháp đàm thoại kết hợp với giảng giải để phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của HS.

– Để rèn luyện tinh thần hợp tác trong việc giải quyết vấn đề và phát huy tính tích cực trong tư duy của HS, tùy từng nội dung, GV có thể vận dụng thêm hình thức trao đổi nhóm và chỉ định bất kì HS nào trình bày ý kiến của nhóm mình. Ngoài ra, GV có thể sử dụng phương pháp trắc nghiệm để đánh giá mức độ nhận thức của HS ở đơn vị kiến thức phù hợp, hoặc yêu cầu HS sưu tầm tranh, ảnh, số liệu về vấn đề dân số và tự rút ra những kết luận.

3. Về phương tiện dạy học

Ngoài những phương tiện sẵn có của một lớp học bình thường và SGK, GV cần chuẩn bị một số tranh ảnh, số liệu thể hiện quy mô dân số, phân bố dân cư, mật độ dân số và tự tạo ra bảng, biểu, sơ đồ về các vấn đề trên hoặc về tác động của việc tăng dân số quá nhanh đối với chất lượng cuộc sống, việc làm...

GV cũng có thể chuẩn bị một số băng, đĩa, bài báo có nội dung phù hợp để minh họa, giúp HS có thể tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, sinh động và có ấn tượng sâu sắc.

4. Về kiểm tra, đánh giá

a) *Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập*

– **Câu 1 :**

Về ý : "*tác động của nó đối với mọi mặt của đời sống xã hội*" : là tác động của việc tăng dân số quá nhanh đối với mọi mặt của đời sống xã hội.

Sau khi nêu những tác động của việc tăng dân số đối với đời sống xã hội như : cản trở tốc độ phát triển kinh tế – xã hội, gây khó khăn lớn trong việc nâng cao

chất lượng cuộc sống, làm cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường, GV có thể nhấn mạnh áp lực của việc tăng dân số đối với vấn đề giải quyết việc làm :

+ Nếu dân số tăng quá nhanh trong điều kiện nền kinh tế kém phát triển sẽ dẫn đến tình trạng thừa lao động, giải quyết việc làm khó khăn.

+ Nếu phát triển dân số phù hợp với điều kiện tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển kinh tế – xã hội sẽ thuận lợi trong vấn đề giải quyết việc làm, thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

+ Việc làm được giải quyết tốt sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, mọi người sẽ có nhận thức đúng đắn hơn về vấn đề dân số, chấp nhận gia đình ít con.

– **Câu 3 :**

GV giúp HS hiểu được :

+ "*Trời sinh voi, trời sinh cỏ*" : Nghĩa bóng của câu tục ngữ này là : Ở đời ai cũng có kế để sinh nhai, không ai ngồi khoanh tay để chịu chết đói. Dù sinh con đẻ cái bao nhiêu, người ta cũng có cách bươn chải để nuôi con khôn lớn được. Quan niệm này là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng dân số tăng quá nhanh, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

+ "*Đông con hơn nhiều của*" : Là quan niệm nặng về số lượng, chưa chú ý tới chất lượng dân số. Hiện nay quan niệm này không còn phù hợp nữa.

+ "*Trọng nam, khinh nữ*" : Đây là những quan niệm phong kiến, lạc hậu, quá đề cao vị trí, vai trò của nam giới, coi nhẹ vị trí, vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển của xã hội và gia đình. Hiện nay, quan niệm này không còn phù hợp nữa, bởi vì cơ sở kinh tế – xã hội của quan niệm này đã căn bản bị xoá bỏ.

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

GV có thể sử dụng câu hỏi trắc nghiệm để đánh giá sự suy luận của HS.

Ví dụ :

Chọn một đáp án mà em cho là đúng nhất trong các gợi ý dưới đây :

Chính sách phân bố dân cư hợp lí ở nước ta nhằm :

- a) Khuyến khích đồng bào miền xuôi đi định cư ở vùng miền núi còn thưa dân ;
- b) Sử dụng hợp lí nguồn lao động, khai thác tiềm năng kinh tế ở các vùng ;
- c) Giảm lao động thừa ở đồng bằng ven biển ;

d) Thực hiện chính sách dân số của Nhà nước.

Trong câu trên, đáp án b là đúng nhất.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

Để tạo tâm thế cho HS vào bài một cách tự nhiên, GV có thể mở bài bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp về từng chính sách hay mối quan hệ giữa chính sách dân số với chính sách giải quyết việc làm. Ví dụ, GV có thể mở bài như sau :

– Vấn đề dân số hiện nay trên thế giới đã trở thành một trong những vấn đề toàn cầu và là sự quan tâm của nhiều quốc gia, nhất là ở những nước nghèo, đang phát triển. Ở nước ta, dân số tăng nhanh là một áp lực lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm. Vậy chúng ta nhận thức về thực trạng dân số và việc làm như thế nào và đề ra mục tiêu, phương hướng cơ bản nào để giải quyết tốt những vấn đề trên ?

– Nước ta vẫn đang phải đối mặt với vấn đề dân số tăng nhanh, giải quyết việc làm khó khăn. Bài này sẽ giúp các em hiểu được tình hình, mục tiêu và những phương hướng cơ bản giải quyết những vấn đề trên.

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Chính sách dân số.

* *Mức độ kiến thức :*

HS nêu được tình hình mục tiêu, những phương hướng cơ bản để giải quyết tốt vấn đề dân số ở nước ta.

* *Cách thức thực hiện :*

GV giới thiệu cho HS tìm hiểu các khái niệm quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, chất lượng dân số ở phần tư liệu tham khảo ; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân số. GV có thể nêu vấn đề cho HS suy nghĩ, sau đó kết luận. Ví dụ : Đảng và Nhà nước ta quan niệm như thế nào về vấn đề dân số đối với sự phát triển đất nước và tác dụng của việc đầu tư cho sự phát triển dân số ?

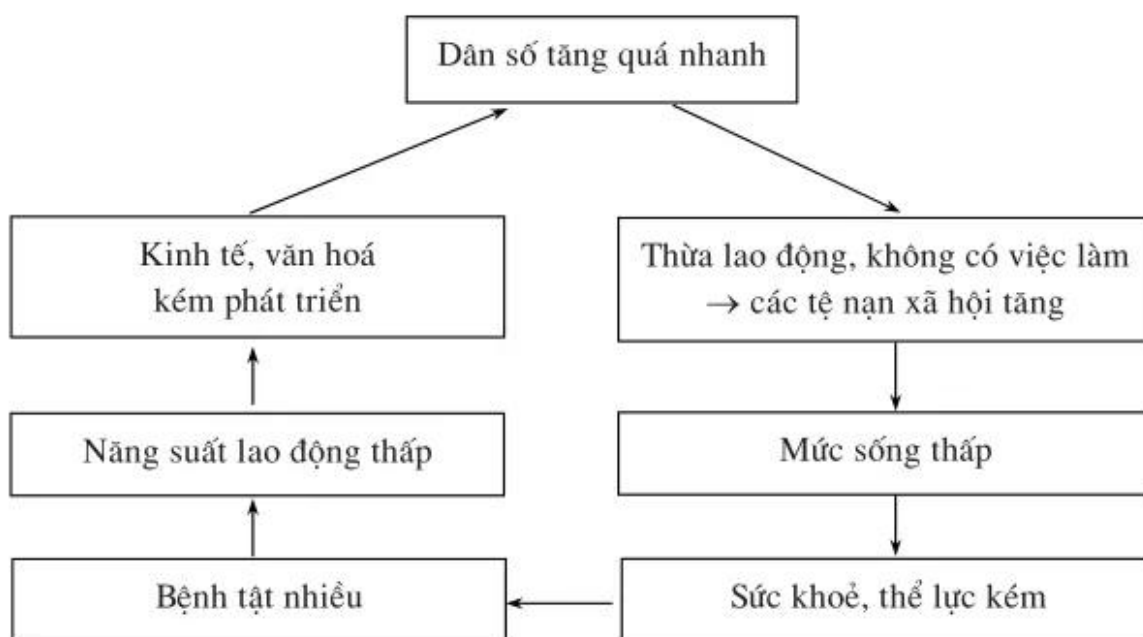
– Mục a : *Tình hình dân số nước ta.* GV có thể cung cấp thêm số liệu, sau đó chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một câu hỏi và trình bày, sau đó GV kết luận.

Ví dụ, dùng số liệu chứng minh ý : *quy mô dân số lớn, tốc độ tăng nhanh* (năm 1945, dân số nước ta là 25 triệu người, năm 1999 là 76, 3 triệu người, tăng hơn gấp 3 lần) ; *quy mô dân số lớn* (năm 2006, dân số nước ta khoảng 84 triệu người, đứng thứ 2 ở Đông Nam Á và thứ 13 trong tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới) ; *mật độ dân số ở nước ta cũng rất cao* (năm 1999, mật độ dân số nước ta là 231 người/ km², thế giới là 44 người/ km²) ; *phân bố chưa hợp lí* (nông thôn chiếm khoảng 76%, thành thị chỉ có khoảng 24%, ví dụ như Thái Bình : 1194 người/km², Kon Tum chỉ có 32 người/ km²)... Hoặc GV có thể dùng phương pháp trực quan : lập bảng số liệu vào giấy khổ lớn để HS tự rút ra kết luận.

Để củng cố thêm kết luận : *kết quả giảm sinh chưa vững chắc*, GV có thể giải thích thêm : Do tỉ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm chậm, tư tưởng trọng nam, khinh nữ vẫn tồn tại, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, ở bộ phận dân cư còn lạc hậu...

Về tác động của vấn đề dân số tăng nhanh đối với đời sống xã hội, GV có thể sử dụng sơ đồ sau :

Mối quan hệ giữa gia tăng dân số và chất lượng cuộc sống



– Mục b : *Mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số.*

GV có thể dùng phương pháp giảng giải để chủ động nhấn mạnh thêm : mục tiêu của chính sách dân số là giải quyết một cách toàn diện vấn đề dân số

(quy mô, cơ cấu, phân bố dân cư...), đặt con người vào vị trí trung tâm, phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

GV có thể nêu câu hỏi như trong SGK : "Để đạt mục tiêu trên, nước ta cần tập trung vào những phương hướng nào ?", yêu cầu HS nêu các phương hướng cơ bản và ghi lên bảng, sau đó phân tích để khắc sâu và làm rõ thêm kiến thức.

Ví dụ :

+ Vợ chồng cần có số con, khoảng cách sinh con hợp lí, thực hiện chính sách dân số một cách có trách nhiệm, phù hợp với điều kiện của đất nước, gia đình, thực hiện gia đình ít con để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

+ Phương hướng quan trọng để thực hiện chính sách dân số là tuyên truyền, giáo dục, huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2* : Chính sách giải quyết việc làm.

* *Mức độ kiến thức* :

HS nhận thức được chính sách giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản, giải quyết tốt vấn đề này sẽ có ý nghĩa to lớn đối với mỗi công dân và toàn xã hội ; tình hình việc làm ở nước ta hiện nay ; mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm ; những phương hướng cơ bản để giải quyết việc làm.

* *Cách thức thực hiện* :

Ngoài nội dung được trình bày trong SGK, GV có thể mở rộng thêm để phát triển tư duy của HS : Trên thế giới, ngay cả với nhiều nước giàu thì tình trạng thất nghiệp vẫn là vấn đề nan giải. Nước ta là một nước nghèo, thiếu vốn, trình độ khoa học công nghệ phát triển chưa cao, dân số tăng nhanh, quan niệm về việc làm còn lạc hậu thì vấn đề giải quyết việc làm càng khó khăn. Đảng và Nhà nước đã nhận thức rõ điều đó và tập trung nỗ lực để giải quyết.

Mục a : *Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay.*

GV có thể nêu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời. Ví dụ : Các em có nhận xét gì về tình hình việc làm ở nước ta ? Nêu một vài số liệu để minh họa và kết luận : Tình trạng thiếu việc làm ở nước ta vẫn là vấn đề bức xúc ở cả nông thôn và thành thị. GV nên tìm một số số liệu về tình hình việc làm ở địa phương hoặc cả nước để giúp HS có cơ sở phân tích, đánh giá.

Mục b : *Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.*

Trong SGK trình bày mục tiêu có tính chất định tính. Để phát huy tính tích cực trong tư duy của HS, GV có sử dụng phương pháp đàm thoại và nêu thêm một số số liệu để giúp HS hiểu rõ vấn đề hơn (đến năm 2015, nước ta phấn đấu : tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%, giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động, tỉ trọng lao động nông – lâm – thủy sản chiếm 40 – 41% lao động xã hội).

GV có thể nêu câu hỏi : Đảng và Nhà nước ta phải làm thế nào để thực hiện chính sách giải quyết việc làm có hiệu quả ? Sau đó, GV giải thích và chốt lại ý chính : thúc đẩy phát triển sản xuất và dịch vụ ; khuyến khích làm giàu hợp pháp ; tự do hành nghề ; đẩy mạnh xuất khẩu lao động ; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3* : Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm.

** Mức độ kiến thức :*

HS xác định được trách nhiệm của mình đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm.

** Cách thức thực hiện :*

GV có thể nêu câu hỏi để giúp HS phát biểu nhận thức về trách nhiệm của mình, sau đó nhấn mạnh lại những ý trình bày trong SGK. Ví dụ : Em suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm ? GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS trả lời, hoặc tranh luận, tự xác định.

3. Phần củng cố

– GV dựa vào các câu 2, 4, 6 trong SGK để hệ thống hoá lại kiến thức cơ bản và xác định trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm.

– Hướng dẫn HS phê phán những nhận thức chưa đúng về vấn đề dân số và việc làm, liên hệ với tình hình dân số và việc làm ở địa phương mình.

Ví dụ, GV có thể nêu vấn đề sau đây :

- + Em hãy nêu những nhận thức không đúng về dân số và việc làm và cho nhận xét.
- + Em hãy tìm hiểu về tình hình dân số ở địa phương mình (mật độ dân số, tỉ lệ tăng dân số, số người có việc làm/ tổng số người trong độ tuổi lao động) và so sánh với cả nước.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Pháp lệnh dân số 2003

Điều 3. Giải thích từ ngữ (trích)

– *Sức khoẻ sinh sản* là sự thể hiện các trạng thái về thể chất, tinh thần và xã hội liên quan đến hoạt động và chức năng sinh sản của mỗi người.

– *Kế hoạch hoá gia đình* là nỗ lực của Nhà nước, xã hội để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm bảo vệ sức khoẻ, nuôi dạy con có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực xã hội và điều kiện sống của gia đình.

2. Định hướng giải quyết vấn đề dân số và việc làm

"Thực hiện nghiêm chính sách và pháp luật về dân số, duy trì mức sinh hợp lí, quy mô gia đình ít con. Có chính sách cụ thể đảm bảo tỉ lệ cân bằng giới tính khi sinh... tốc độ tăng dân số đến năm 2015 khoảng 1%"⁽¹⁾.

"Phát triển *thị trường sức lao động* trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung – cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm. Có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động, nhất là ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động đã qua đào tạo nghề, lao động nông nghiệp"⁽²⁾.